TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2017/DS-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v tranh chấp: "Chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thu Thúy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thu Thủy**

2. Bà **Dương Thị Lệ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên toà:* Bà **Hà Ngọc Thư Trúc** - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 25 và 29 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2016/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp: "Chia di sản thừa kế".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:***

Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số A, ấp 1, xã B, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1972; (có mặt). Theo văn bản ủy quyền ngày 04/11/2016.

Địa chỉ: ấp Bình P, xã Thanh B, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang.

* ***Bị đơn:***

1/ Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1955; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 121B ấp B, xã B, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

2/ Ông **Trần Văn P**, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 88 ấp D, xã B, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú tại: Số 170 ấp B, xã B, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ **Trần Thị Ngọc M**, sinh năm 1948; (có mặt)

Địa chỉ: Số 68 ấp B, xã B, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

2/ **Trần Văn A**, sinh năm 1951; (có mặt)

Địa chỉ: Số 153 ấp T, xã Thanh B, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang.

3/ **Trần Văn H**, sinh năm 1952; (có mặt)

Địa chỉ: Số 942 ấp B, xã B, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang.

4/ **Trần Thị H**, sinh năm 1958; (có mặt)

Địa chỉ: Số 291 ấp T, xã T, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang.

5/ **Trần Thị Ngọc D (Tran Cindy Thi)** sinh năm 1960;

Địa chỉ: 909 Pryor Drive Arlington Texas 76001 _ USA.

Đại diện theo ủy quyền: **Trần Thị H**, sinh năm 1958; (có mặt). Theo văn bản ủy quyền ngày 15/4/2015.

Địa chỉ: Số 291 ấp T, xã T, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H trình bày*:***

Bà là con ruột ông Trần Văn S, sinh năm 1927 (chết ngày 15/02/1993) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1925 (chết ngày 07/01/2014). Ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị L lúc còn sống là vợ chồng, ông bà sinh được 08 người con gồm: Trần Thị Ngọc H, Trần Thị Ngọc M, Trần Văn A, Trần Văn H, Trần Thị C, Trần Thị H, Trần Thị Ngọc D (Tran Cindy Thi), Trần Văn P Ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị L không có con nuôi hay con ngoài giá thú nào khác, còn cha mẹ của ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị L đều chết trước ông S, bà L

Trong thời gian chung sống vợ chồng thì ông S, bà L có tạo lập nhiều tài sản, trong đó có nhà, đất tọa lạc tại số 170, ấp B, xã B, thành phố Mỹ T, Tiền Giang hiện do bà Trần Thị C, ông Trần Văn P đang quản lý, sử dụng.

Khi ông S chết thì bà L được UBND thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành AN 821037, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 04636 ngày 23/01/2009 đối với thửa số 368, tờ bản đồ số 32, diện tích 170,62 m^2, đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đất đến ngày 15/10/2043, tọa lạc tại ấp B, xã B, thành phố Mỹ T, Tiền Giang và căn nhà cấp 4, cất trên diện tích đất trên (nhà chưa được cấp giấy chứng thư quyền sở hữu).

Nhà có cấu trúc: Vách tường, cột bê tông cốt thép, nền gạch men, mái tole nhà được xây dựng vào năm 2010 – 2011, nguồn tiền xây dựng do bà Nguyễn Thị L nhận tiền đền bù đất giải tỏa đường Hùng V nối dài, nhà mang số 170 ấp B, xã B, thành phố Mỹ T Tiền Giang hiện do Trần Văn P quản lý, sử dụng một phần để ở, bà Trần Thị C quản lý, sử dụng một phần để kinh doanh mua bán: ống nhựa kim khí điện máy... Trước khi qua đời bà Nguyễn Thị L không lập di chúc để định đoạt nhà, đất trên cho ai được thừa hưởng khi bà qua đời, hiện bà Nguyễn Thị L vẫn còn đứng tên đối với thửa đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ H04636 ngày 23/01/2009, nhà chưa được cấp chứng thư quyền sở hữu. Hiện nhà, đất trên do Trần Thị C Trần Văn P quản lý, sử dụng vào mục đích như bà trình bày ở trên.

Việc tranh chấp thừa kế, bà có yêu cầu UBND xã Đ, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang xem xét giải quyết. UBND xã đưa ra hòa giải, kết quả hòa giải thành (anh, chị, em bà đồng ý phân chia thừa kế tài sản nêu trên theo quy định pháp luật, có biên bản hòa giải thành ngày 01/7/2015 kèm theo đơn này) nhưng sau đó các bên không đồng ý, thay đổi ý kiến nên anh, chị, em trong gia đình không thể tự hòa giải, thỏa thuận được về việc phân chia quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở. Nhà, đất tọa lạc tại số 170, ấp B, xã B, thành phố Mỹ T Tiền Giang.

Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết các yêu cầu sau:

+ Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị L gồm có 08 người con có tên: Trần Thị Ngọc H, Trần Thị Ngọc M, Trần Văn A Trần Văn H, Trần Thị C, Trần Thị H, Trần Thị Ngọc D (Tran Cindy Thi), Trần Văn P

+ Yêu cầu giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà, đất tọa lạc tại số 170, ấp B, xã B, thành phố Mỹ T Tiền Giang. Cụ thể: thửa đất số 368, tờ bản đồ số 32, diện tích 170,62 m^2, đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ H04636 do UBND thành phố Mỹ T, Tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Nguyễn Thị L đứng tên quyền sử dụng đất ngày 23/01/2009 và căn nhà gắn liền trên diện tích đất 170,62 m^2 (nhà chưa được cấp giấy chứng thư quyền sở hữu). Nhà, đất tọa lạc tại số 170, ấp B, xã B, thành phố Mỹ T, Tiền Giang, yêu cầu chia cho bà một phần với tỷ lệ là 1/8, bà xin nhận bằng giá trị, bà tạm tính giá trị nhà là 600.000.000 đồng, giá trị đất là 2.400.000.000 đồng. Tổng cộng giá trị nhà và đất là 3.000.000.000 dồng (ba tỷ đồng). Như vậy, bà được thừa hưởng một kỷ phần thừa kế với tỷ lệ 1/8, số tiền bà yêu cầu Trần Văn P Trần Thị C hoàn trả cho bà một kỷ phần thừa kế tương đương số tiền 375.000.000 đồng. Yêu cầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại biên bản hòa giải ngày 23/8/2017, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H có ông Phạm Ngọc D trình bày:

Sau khi có chứng thư định giá tài sản, nhà đất tọa lạc tại ấp B, xã B, thành phố Mỹ T, Tiền Giang có giá trị 2.218.000.000 đồng. Bà H yêu cầu chia bằng giá trị, 01 kỷ phần là 1/8, tương đương với số tiền là 277.250.000 đồng, yêu cầu phía ông P, bà C hoàn trả bằng số tiền 277.250.000 đồng này một lần trong thời hạn 03 tháng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật. Bà H đồng ý để bà C, ông P được tiếp tục sử dụng nhà đất nêu trên.

* **Bị đơn bà Trần Thị C, ông Trần Văn P trình bày**:

Bà Nguyễn Thị L (mẹ ông, bà) khi chết có để lại 01 căn nhà ở số 170 Nguyễn Minh Đ, ấp B, xã B, thành phố Mỹ T, Tiền Giang và cha mẹ ông, bà có tổng cộng 08 anh chị em. Tháng 8/2015, anh, chị, em bà có đến Ủy ban nhân dân xã Đ để xin xác nhận quyền thừa kế của mỗi người và được Tư pháp xã Đ lập biên bản xác nhận quyền thừa kế của mỗi người. Như vậy, tất cả 08 người đều được xác nhận quyền thừa kế rồi. Về căn nhà số 170, khi Mẹ bà C, ông P còn sống có cho bà C, ông P thuê để buôn bán. Khi đó bà C, ông P có đóng hàng tháng 3.000.000 đồng cho Mẹ ông, bà. Sau khi Mẹ ông, bà chết (tháng 01/2014) anh, chị, em cũng đồng ý cho bà C, ông P thuê và bà C, ông P đã đóng tiền hàng tháng từ đó đến nay.

Năm 2014, anh, chị, em đồng ý để bà C đưa tiền nhà cho Trần Văn P để lo cúng giỗ, đi đứng trong xã hội. Năm 2016, tiền nhà này anh, chị, em nhất trí chia ra lần lượt mỗi người nhận một tháng. Bà C không có giữ giấy chủ quyền của bà Nguyễn Thị L thì bà C đâu có quyền gì để xác nhận quyền thừa kế của bà Trần Thị Ngọc H. Nhà số 170, bà C thuê mặt bằng để buôn bán, từ lúc Mẹ bà còn sống và thuê cho đến nay (bà không sử dụng hết căn nhà vì trong đó có hơn 04 m mặt tiền diện tích khoảng 70 m^2 để ông Trần Văn P ở) Thì như vậy bà Trần Thị Ngọc H xin nhận 1/8 nhà với ai.

* Tại biên bản hòa giải ngày 23/8/2017, bị đơn bà Trần Thị C, ông Trần Văn P trình bày: Bà C, ông P thống nhất giá trị nhà, đất theo biên bản định giá của Tòa, nay bà C, ông P đồng ý chia nhà, đất tọa lạc tại ấp B, xã B, thành phố Mỹ T Tiền Giang của cha mẹ ông, bà để lại thành 08 kỷ phần. Bà C, ông P xin được tiếp tục quản lý, sử dụng nhà, đất này. Bà C, ông P đồng ý hoàn trả lại giá trị kỷ phần cho Bà H và những người có liên quan nhưng hoàn trả trong thời hạn 03 tháng thì bà C, ông P không có khả năng.

Bà C trình bày: Hiện tại căn nhà gắn liền với phần đất các bên đang tranh chấp bà đang sử dụng để buôn bán nên xin tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà này còn hộ khẩu thì bà C hiện nay đã có nơi ở khác.

Ông Trần Văn P trình bày: Ngoài căn nhà gắn liền với phần đất các bên đang tranh chấp, ông không còn chổ ở nào khác nên xin được tiếp tục quản lý sử dụng để ở.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H, đồng thời bà H cũng là đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Ngọc D (Tran Cindy Thi) trình bày**:

Bà thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H đối với các bị đơn Trần Thị C, Trần Văn P Bà và bà Trần Thị Ngọc D (Trần Cindy Thi) là con ruột của ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị L. Ông S bà L chết không để lại di chúc để định đoạt nhà và đất nêu trên cho ai nên bà và bà Dđược thừa kế theo quy định pháp luật. Trong vụ án này, Bà H xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị L gồm 08 người con, trong đó có bà và bà D là đúng. Đồng thời bà Trần Thị Ngọc H yêu cầu chia thừa kế nhà và đất nêu trên cho Bà H với tỷ lệ 1/8 thì bà cũng như bà D mỗi người cũng được hưởng thừa kế theo pháp luật nhà đất trên của bà L, ông S chết để lại, mỗi người được thừa kế với tỷ lệ 1/8. Trường hợp Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Trần Thị Ngọc H thì bà yêu cầu Tòa chia cho bà, bà D được thừa hưởng giá trị nhà đất nêu trên theo giá thị trường, mỗi người được thừa hưởng với tỷ lệ 1/8. Hiện nay nhà, đất trên do bà C, ông P quản lý sử dụng thì bà C, ông P được tiếp tục quản lý, sử dụng, sở hữu khi hoàn đủ giá trị cho bà và bà D. Yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại biên bản hòa giải ngày 23/8/2017, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị Ngọc M, Trần Văn A, Trần Văn H, Trần Thị H trình bày: Các ông, bà thống nhất với yêu cầu của Bà H chia nhà, đất cha mẹ ông, bà chết để lại thành 08 kỷ phần, mỗi người được nhận 01 kỷ phần tương đương với số tiền là 277.250.000 đồng. Yêu cầu bà C, ông P phải hoàn trả lại giá trị cho các ông, bà 01 lần trong thời gian 03 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật. Các ông, bà đồng ý để bà C, ông P được tiếp tục, quản lý, sử dụng nhà, đất nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông Phạm Ngọc D đại diện do nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H ủy quyền cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập (Trần Thị Ngọc M, Trần Văn A, Trần Văn H, Trần Thị H, Trần Thị Ngọc D) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Chia di sản thừa kế là phần nhà và đất tại địa chỉ số 170 Nguyễn Minh Đ, ấp B, xã B, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào số H04636 do Uỷ ban nhân dân thành phố Mỹ T cấp cho bà Nguyễn Thị L vào ngày 23/01/2009 thành 08 kỷ phần bằng nhau, mỗi người xin nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị với số tiền là 277.270.000 đồng.

- Đồng ý giao căn nhà cho bà C và ông P tiếp tục quản lý, sử dụng như

hiện trạng. Bà C và ông P có nghĩa vụ hoàn trả số tiền mà mỗi đồng thừa kế được hưởng.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều tuân thủ đúng qui định pháp luật, kiểm sát viên không kiến nghị gì. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế là căn nhà và phần diện tích đất bà Nguyễn Thị L đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhà và đất tọa lạc ấp B, xã B, thành phố Mỹ T tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Xét đơn khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị Ngọc M ,Trần Văn A, Trần Văn H, Trần Thị H, Trần Thị Ngọc D yêu cầu chia di sản thừa kế là phần nhà và đất tại địa chỉ số 170 Nguyễn Minh Đ, ấp B, xã B, thành phố Mỹ T tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04636 do Uỷ ban nhân dân thành phố Mỹ T cấp cho bà Nguyễn Thị L vào ngày 23/01/2009 thành 08 kỷ phần bằng nhau, mỗi người xin nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị với số tiền là 277.270.000 đồng. Đồng ý giao căn nhà cho bà C và ông P tiếp tục quản lý, sử dụng như hiện trạng. Bà C và ông P có nghĩa vụ hoàn trả số tiền mà mỗi đồng thừa kế được hưởng.

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập cần xác định quan hệ pháp luật để giải quyết vụ kiện là: “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

Về tố tụng: Các bị đơn Trần Thị C và Trần Văn P đã được tống đạt hợp lệ 02 lần đến dự phiên tòa nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo qui định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Hội đồng xét xử nhận định.

Về xác định hàng thừa kế theo pháp luật: Lúc sinh thời cụ S và cụ L có tất cả 08 người con, không có con riêng và con nuôi; Cha, Mẹ của các cụ đã chết trước các cụ. Cụ S chết năm 1993, cụ L chết năm 2014. Hai cụ có 08 người con chung gồm: Trần Thị Ngọc M, Trần Văn A, Trần Văn H, Trần Thị C, Trần Thị H, Trần Thị Ngọc D (Tran Cindy Thi) và Trần Thị Ngọc H, Trần Văn P nên xác định đây là hàng thừa kế thứ nhất của cụ S và cụ L

Về thời điểm mở thừa kế: Cụ S mất năm 1993, cụ L mất năm 2014. Căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế

của cụ S, cụ L vẫn còn thời hiệu. Trước khi qua đời cụ S và cụ L không để lại di chúc đối với phần di sản của mình đã có. Do đó các đương sự có yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

Về xác định di sản thừa kế của cụ S, cụ L chết để lại theo yêu cầu của các bên đương sự: Căn cứ toàn bộ hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện thống nhất là lúc sinh thời cụ S và cụ L có tạo lập được phần diện tích đất gắn liền với căn nhà tọa lạc tại số 170, ấp B, xã B, thành phố Mỹ T tỉnh Tiền Giang. Nhà, đất chưa có chủ quyền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1993 cụ S chết, cụ Ltiếp tục quản lý, sử dụng nhà, đất trên. Đến năm 2009 cụ L được Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc số thửa 368, tờ bản đồ 32, diện tích đất là 170,62m^2, năm 2010 cụ L có sửa chữa lại căn nhà như hiện nay, số tiền sửa chữa nhà từ nguồn tiền bồi thường khi giải tỏa mặt bằng đường Hùng V nối dài, căn nhà chưa được cấp giấy xác nhận quyền sở hữu. Phần căn nhà thì cụ L có ngăn vách và để một phần cho bà C thuê để buôn bán, phần còn lại cụ Lở. Cụ L lấy tiền cho thuê nhà để sinh sống. Đến năm 2014 khi cụ L chết thì anh, chị, em có kêu người em út là Trần Văn P về ở trên phần nhà của cụ L để thuận tiện nhang khói, lúc này có lấy tiền thuê đất của bà Cđể giao ông P cúng giỗ. Nay do các bên không thực hiện tốt nhiệm vụ này nên xảy ra tranh chấp chia thừa kế. Như vậy các bên đều thừa nhận khi cụ L chết có để lại di sản thừa kế là căn nhà và phần đất gắn liền căn nhà có diện tích là 170,62m^2, thuộc thửa 368, tờ bản đồ 32, tọa lạc ấp B, xã B thành phố Mỹ T tỉnh Tiền Giang. Do đó yêu cầu của nguyên đơn cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin chia thừa kế phần di sản nêu trên của cụ L chết để lại là có cơ sở. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ L gồm 08 người con nên di sản thừa kế trên được chia cho 08 kỷ phần. Tổng giá trị di sản thừa kế của cụ L chết để lại theo chứng thư thẩm định giá tháng 6/2017 là 2.218.163.450 đồng, như vậy mỗi kỷ phần được chia với số tiền là 277.270.000 đồng.

Hiện tại căn nhà và phần đất có diện tích là 170,62m^2, thuộc thửa 368, tờ bản đồ 32, tọa lạc ấp B, xã B, thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang mà các đồng thừa kế tranh chấp nêu trên do bà Trần Thị C quản lý sử dụng một phần có diện tích 80,3m^2 (ký hiệu T-1 trên sơ dồ) dùng để buôn bán tạp hóa. Một phần căn nhà và diện tích đất 82,1m^2 (ký hiệu T-2 trên sơ đồ) hiện do ông Trần Văn P quản lý, sử dụng để ở. Các đồng thừa kế thống nhất tiếp tục giao cho bà C, ông P quản lý, sử dụng thì ông P, bà Cphải có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế khác. Sự thỏa thuận thống nhất này của các đương sự là tự nguyện phù hợp với qui định pháp luật được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tuy nhiên các đương sự không thống nhất về thời gian để các đồng thừa kế nhận số tiền, ông P và bà C xin đưa dần vì không có khả năng hoàn số tiền trên một lần trong thời gian ngắn được. Do các bên đương sự không thỏa thuận được nên căn cứ qui định pháp luật Hội đồng xét xử buộc các bên thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ các cơ sở nhận định trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là phần nhà và đất tại địa chỉ số 170 Nguyễn Minh Đ, ấp B, xã B, thành phố Mỹ T tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04636 do Uỷ ban nhân dân thành phố Mỹ T cấp cho bà Nguyễn Thị L vào ngày 23/01/2009 thành 08 kỷ phần bằng nhau, mỗi người được nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị với số tiền là 277.270.000 đồng.

Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các các Điều 634, 635, 674, 676, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị Ngọc M; Trần Văn An; Trần Văn H; Trần Thị H; Trần Thị Ngọc D (Tran Cindy Thi).

Xác định căn nhà và đất tại địa chỉ số 170 Nguyễn Minh Đ, ấp B, xã B thành phố Mỹ T, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04636 do Uỷ ban nhân dân thành phố Mỹ T cấp cho bà Nguyễn Thị L vào ngày 23/01/2009 là di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị L chết để lại.

Chia cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ L gồm 08 người con mỗi người 01 kỷ phần với số tiền là 277.270.000 đồng.

Giao cho bà Trần Thị C được quyền sở hữu, sử dụng ngôi nhà và phần đất gắn liền với căn nhà có diện tích là 80,3m^2 (ký hiệu là T-1 trên sơ đồ), thuộc thửa 368, tờ bản đồ 32, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị L vào ngày 23/01/2009. Nhà, đất tọa lạc tại ấp B, xã B, thành phố Mỹ T tỉnh Tiền Giang.(*có sơ đồ thửa đất kèm theo*)

Giao cho ông Trần Văn P được quyền sở hữu, sử dụng ngôi nhà và phần đất gắn liền với căn nhà có diện tích là 82,1m^2 (ký hiệu là T-2 trên sơ đồ) thuộc thửa 368, tờ bản đồ 32, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị L vào ngày 23/01/2009. Nhà, đất tọa lạc tại ấp 1, xã Đ thành phố Mỹ T tỉnh Tiền Giang.(*có sơ đồ thửa đất kèm theo*)

Bà Trần Thị C có nghĩa vụ hoàn trả giá trị các kỷ phần thừa kế cho Trần Thị Ngọc H số tiền 277.270.000 đồng; Trần Thị H số tiền 277.270.000 đồng; Trần Thị Ngọc D (Tran Cindy Thi) số tiền 265.770.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Trần Văn P có nghĩa vụ hoàn trả giá trị các kỷ phần thừa kế cho Trần Thị Ngọc M số tiền 277.270.000 đồng; Trần Văn A số tiền 277.270.000 đồng;

Trần Văn H số tiền 277.270.000 đồng; Trần Thị Ngọc D (Tran Cindy Thi) số tiền 11.500.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Trần Thị C, ông Trần Văn P có quyền liên hệ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất phần diện tích được giao quản lý, sử dụng nêu trên theo qui định pháp luật khi đã thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người bị thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam qui định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu 13.863.500 đồng (*mười ba triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.687.500 đồng (*bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 001779 ngày 15/12/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp số tiền là 9.176.000 đồng (*chín triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*).

Ông Trần Văn H phải chịu 13.863.500 đồng (*mười ba triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.687.500 đồng (*bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 002021 ngày 28/6/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp số tiền là 9.176.000 đồng (*chín triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*).

Ông Trần Văn A phải chịu 13.863.500 đồng (*mười ba triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.687.500 đồng (*bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 002063 ngày 24/7/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp số tiền là 9.176.000 đồng (*chín triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*).

Bà Trần Thị Ngọc M phải chịu 13.863.500 đồng (*mười ba triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.687.500 đồng (*bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 002074 ngày 28/7/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp số tiền là 9.176.000 đồng (*chín triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*).

Bà Trần Thị Ngọc D phải chịu 13.863.500 đồng (*mười ba triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.687.500 đồng (*bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 002053 ngày 14/7/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp số tiền là 9.176.000 đồng (*chín triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*).

Bà Trần Thị H phải chịu 13.863.500 đồng (*mười ba triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.687.500 đồng (*bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 002020 ngày 27/6/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp số tiền là 9.176.000 đồng (*chín triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*).

Bà Trần Thị C phải chịu 13.863.500 đồng (*mười ba triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn Pphải chịu 13.863.500 đồng (*mười ba triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 29 tháng 9 năm 2017, có mặt ông An, ông Hòa, bà Mai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh,
- VKSND tỉnh Tiền Giang,
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang,
- Đương sự,
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thúy